TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ông Ngô Văn Thi và bà Lê Thị Hiếu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 412/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2000; nơi thường trú: Số B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Mai Văn V, sinh năm 1998; nơi thường trú: Số B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông V vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Vũ T1 tìm hiểu yêu thương nhau rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới năm 2019, có đăng ký ký hôn tại ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Sau khi cưới bà và ông Vũ S tự lập đi làm thuê ở Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sống không hợp

nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau do cuộc sống kính tế gia đình, xét thấy không thể chung sống hạnh phúc với ông V được nữa nên bà bỏ về nhà mẹ ruột sống hơn 04 tháng nay. Từ đó làm cho gia đình không còn hạnh phúc. Bà và ông Vũ ly T2 nhau từ đó, từ lúc ly thân nhau gia đình cha mẹ có đứng ra hàn gắn nhưng không được, ông V không muốn chung sống với bà nữa. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông V có 01(một) con chung tên: Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/4/2023, hiện con chung đang được bà nuôi dạy. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến; ông V cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo biên bản ghi nhận lời khai người thân của bà T và ông V thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn và về con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V, đồng thời ông V vẫn thường trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông V, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian ly thân giữa ông bà đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, đều này phù hợp với các biên bản làm việc với người làm chứng, người cho ý kiến mà Tòa án thu thập được. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/4/2023, hiện con chung đang được bà T nuôi dạy, bà T yêu cầu được nuôi con. Xét thấy cháu H từ trước đến nay được bà T trực tiếp nuôi dạy, tình cảm mẹ con đã thật sự gắn bó. Do đó, để tránh làm xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu M Nguyễn Ngọc H.

[4] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận tự nguyện này của bà T.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 8, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Mai Văn V.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/4/2023;

Ông Mai Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010470 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (Bà T đã nộp đủ).

Ông Mai Văn V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết bà T và ông V được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã Khánh An, h. An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đỗ Ngọc Mai Thy